

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2024/DS-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng hợp tác”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Đức và bà Lê Thị Thường.

- Thư ký phiên tòa: ông Lâm Quang Trực – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2024/TLST-DS ngày 16/4/2024 về tranh chấp “Hợp đồng hợp tác” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2024/QĐXXST-DS ngày 29/8/2024 và Thông báo về việc dời ngày xét xử ngày 26/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Tấn Q - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số 101 Phan Đình Phùng, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 93 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: bà Trương Thị H, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 925 Võ Thị Sáu, khóm Đ, phường Đ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Thạch Văn K, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 925 Võ Thị Sáu, khóm Đ, phường Đ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1996;

HKTT: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Nơi ở hiện nay: ấp T, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Lý Thành Nn, sinh năm 1993;

Địa chỉ: tổ 9, ấp Mỹ An 1, xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Tấn P có mặt. Ông Nguyễn Tấn L, ông Nguyễn Minh T, ông Lý Thành N có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L trình bày:

Từ năm 2020 đến nay, Công ty A và bà Trương Thị H, ông Thạch Văn K có hợp tác thực hiện chương trình “Cánh đồng mơ ước”. Nội dung hợp tác thể hiện theo Hợp đồng số 578/2020/CĐMU ký ngày 01/10/2020. Theo hợp đồng này thì công ty chúng tôi đầu tư cho ông Thạch Văn K và bà Trương Thị H một lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để hỗ trợ sản xuất ông nghiệp. Công ty có trách nhiệm giao vật tư đến kho ông K, bà H và ông K, bà H có trách nhiệm nhận hàng và thanh toán lại cho công ty khi đến hạn trên hóa đơn. Nếu thanh toán trước hạn thì được hưởng lãi suất 1,1%/tháng, thanh toán trễ hạn thì chịu lãi suất 1,1%/tháng. Nếu quá hạn thanh toán 6 tháng thì công ty có quyền khởi kiện.

Tháng 12/2022 hai bên tiến hành đối chiếu công nợ thì bà Trương Thị H xác nhận đến 31/12/2022 còn nợ số tiền 210.117.072 đồng. Sau đó bà H, ông K trả được 5.000.000 đồng, còn nợ lại 205.117.072 đồng bao gồm 10.458.772 đồng tiền chậm trả đến tháng 11/2022 và nợ gốc 194.658.300 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì phía ông K và bà H luôn chậm trễ thanh toán cho công ty mặc dù đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nhưng bà H, ông K vẫn không thanh toán tiền cho công ty.

Tại đơn khởi kiện và trong buổi hòa giải ngày 29/7/2024, ông Lục yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trương Thị H và ông Thạch Văn K phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty A tổng số tiền 239.376.932 đồng (trong đó tiền gốc 194.658.300 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 01/4/2024 là 44.718.632 đồng) và tiền lãi chậm trả tính đến ngày Tòa án xét xử.

Ngày 09/9/2024, Công ty A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 16.800.000 đồng, chỉ yêu cầu bà Trương Thị H và ông Thạch Văn K có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc 177.858.300 đồng và lãi suất 1,1%/tháng kể từ tháng 12/2022 cho khi đến khi xét xử.

Lý do Công ty A yêu cầu ông Thạch Văn K có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên là do ông K là chồng bà H, trong quá trình hợp tác ông K cũng tham gia vào việc nhận hàng, thanh toán tiền.

- Đại diện theo ủy quyền bà Trương Thị H và ông Thạch Văn K là ông Nguyễn Tấn P trình bày:

Vào đầu tháng 4/2017, ông Thạch Văn K và bà Trương Thị H nhận được lời mời của Công ty A thực hiện hợp tác dự án “Cánh đồng mơ ước”. Sau đó Công ty A có cử anh Lý Thành Nhân là người đại diện của công ty thực hiện việc giao nhận vật tư (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) và tiền. Cứ định kỳ 04 tháng ông Nhân lấy vật tư của công ty giao cho Câu lạc bộ và sau mỗi cuối kỳ ông K, bà H giao lại tiền cho ông N nộp lại cho công ty. Việc giao nhận tiền định kỳ ông K, bà H đều thực hiện đầy đủ. Đến thời điểm hiện nay Câu lạc bộ Trương Thị H không còn nợ tiền của Công ty A.

Nay Công ty A khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị H và ông Thạch Văn K có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc 177.858.300 đồng và lãi suất 1,1%/tháng kể từ tháng 12/2022 cho khi đến khi xét xử. Ý kiến của ông Phúc như sau: không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của công ty.

- Theo biên bản lấy lời khai và ý kiến trình bày trong quá trình hòa giải ông Lý Thành N:

Ông bắt đầu làm việc tại Công ty A vào năm 2016 với nhiệm vụ là nhân viên Marketing. Công ty ADC có mở chương trình “Cánh đồng mơ ước”. Công ty đầu tư xuống cho các câu lạc bộ mỗi hecta là 6.000.000 đồng bao gồm phân bón và thuốc bảo vệ thực vật với phương thức đầu vụ đầu tư cuối vụ câu lạc bộ thu hoạch và trả tiền. Ngoài ra công ty còn khuyến mãi mỗi hecta 600.000 đồng.

Câu lạc bộ Trương Thị H tham gia “Cánh đồng mơ ước” vào khoảng năm 2017. Quá trình hợp tác bà H thanh toán cho công ty rất đầy đủ. Vào vụ Hè Thu năm 2021, Câu lạc bộ Trương Thị H tham gia 16ha, trong thời gian này ông chuyển qua bộ phận khác làm nên không còn phụ trách câu lạc bộ Trương Thị H nữa. Sau khi kết thúc vụ hè thu ông, ông Thiện, bà H và ông K có ngồi lại với nhau để tính toán tiền với nhau. Sau khi tính toán thì Câu lạc bộ Trương Thị H còn thiếu lại Công ty số tiền 204.058.300 đồng. Bà H và ông K thừa nhận và ký tên, có lên kế hoạch trả nợ cho công ty. Đến ngày 01/10/2022, tôi chính thức nghỉ làm ở Công ty ADC nên việc bà H đã trả số nợ trên cho Công ty hay không tôi không biết chỉ đến khi Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn mời làm việc thì tôi mới biết bà H vẫn chưa thanh toán cho Công ty số tiền trên.

Việc Câu lạc bộ Trương Thị H còn nợ tiền của Công ty là thật được thể hiện bằng nhiều chứng cứ có chữ ký của bà H và ông K nên Công ty khởi kiện

yêu cầu Câu lạc bộ Trương Thị H và ông Thạch Văn K trả số tiền gốc 177.858.300 đồng là đúng.

- Theo biên bản lấy lời khai và ý kiến trình bày trong quá trình hòa giải của ông Nguyễn Minh Th:

Ông là nhân viên của Công ty A. Ông tiếp nhận phụ trách Câu lạc bộ Trương Thị H vào tháng 4/2021 sau khi ông Lý Thành N chuyển qua bộ phận khác. Khi tiếp nhận phụ trách Câu lạc bộ Trương Thị H thì giữa ông, ông Lý Thành N, ông Thạch Văn K, bà Trương Thị H có ngồi lại với nhau để chốt sổ sách. Lúc đó Câu lạc bộ Trương Thị H còn thiếu Công ty số tiền 177.858.300 đồng (chưa trừ chi phí quản lý), phía Câu lạc bộ bà H thống nhất số nợ và đưa ra kế hoạch trả nợ luôn cho công ty nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện. Đến ngày 16/11/2022 phía Công ty đã kết thúc hợp tác với Câu lạc bộ Trương Thị H với lý do nợ nhiều, chậm trả nên công ty không cho đặt hàng nữa.

Việc Câu lạc bộ Trương Thị H còn nợ 177.858.300 đồng của Công ty A là đúng.

Về yêu cầu ông Thạch Văn K có trách nhiệm trả nợ cũng với bà H: trong quá trình giao, nhận hàng, ông K đều tham gia và có ký vào tất cả các biên nhận, bảng kê chi tiết công nợ nên ông K phải có trách nhiệm cùng trả số nợ trên.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng mối quan hệ pháp luật, thụ lý và giải quyết đúng theo quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý hồ sơ Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ khi tiến hành lập hồ sơ, ban hành các thông báo, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng và tổng đạt, niêm yết cho đương sự theo quy định tại. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Áp dụng Điều 504, 506, 507 Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H, ông K có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 177.858.300 đồng và lãi suất theo thỏa thuận tính từ ngày 01/12/2022 đến nay.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 16.800.000 đồng.

Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, nội dung khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng hợp tác” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn bà Trương Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T1, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Ông Nguyễn Tấn L, ông Lý Thành N và ông Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Năm 2020 giữa Công ty A với bà Trương Thị H có ký kết Hợp đồng hợp tác số 578/2020/CĐMU, đến năm 2021 tiếp tục ký Hợp đồng hợp tác số 640/2021/CĐMU. Nội dung hợp đồng: Công ty A đầu tư vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống) cho bà Trương Thị H, bà Trương Thị H có trách nhiệm thanh toán tiền cho Công ty. Ngoài ra hợp đồng còn thể hiện về phương thức giao hàng, thanh toán, quyền lợi của mỗi bên.... Hợp đồng hợp tác được ký kết hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Theo Công ty A quá trình thực hiện hợp đồng phía công ty cho bà H thanh toán theo hình thức gói đầu (đầu vụ mua hàng cuối vụ thu hoạch thanh toán tiền). Tính cho đến ngày nay thì bà H còn thiếu 177.858.300 đồng vẫn chưa thanh toán.

Theo các chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp gồm: các hóa đơn giá trị gia tăng thể hiện việc bà H có mua hàng từ công ty; sổ chi tiết đơn vị mua từ ngày 01/10/2022 đến 31/12/2022 thể hiện bà H còn nợ tiền của công ty; Giấy tính công nợ ngày 16/11/2022 và Biên bản xác nhận, bàn giao, kế hoạch trả nợ ngày 13/9/2022 thể hiện bà H nợ tiền công ty và kế hoạch trả tiền cho công ty. Các chứng cứ này đều được bà H và ông K ký tên, ghi rõ họ tên. Trong quá trình giải quyết ông K đều thừa nhận chữ ký và chữ viết ghi họ tên đều là của bà H và ông K. Từ những chứng cứ nêu trên khẳng định bà H còn nợ tiền của Công ty A là có thật và công ty khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền còn thiếu là 177.858.300 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về phía bị đơn cho rằng trong quá trình hợp tác bà H đã thanh toán đầy đủ và hiện nay không còn nợ số tiền trên của công ty. Bị đơn cung cấp chứng cứ là các “Biên nhận”, tuy nhiên những biên nhận này không thể hiện rõ số tiền đã trả bao nhiêu mà chỉ ghi chung chung đã hoàn thành công nợ. Ngoài ra, bị đơn cũng không cung cấp được chứng nào thể hiện khoảng thời gian từ 01/9/2022 đến nay có trả tiền cho công ty nên không có căn cứ để xem xét.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi suất, thấy: theo các Hợp đồng hợp tác các bên ký kết có thỏa thuận về lãi thanh toán trễ hạn, cụ thể “mức lãi suất 1,1% (30 ngày) tính trên số tiền thanh toán trễ hạn” nên yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận và được tính như sau:

Số tiền 177.858.300 đồng từ tháng 12/2022 đến tháng 9/2024 là 22 tháng:

$177.858.300 \text{ đồng} \times 1,1\% \times 22 \text{ tháng} = 43.041.708 \text{ đồng}.$

Như vậy tổng cộng vốn lãi bà H phải trả cho công ty là 220.900.009 đồng.

[2.4] Về yêu cầu ông Thạch Văn K có trách nhiệm liên đới cùng bà Trương Thị H trả số tiền trên, thấy: ông K là chồng bà H, quá trình hợp tác với công ty, ông K cùng với bà H nhận hàng, thanh toán tiền cho công ty, các xác nhận công nợ đều có chữ ký của ông K nên công ty yêu cầu ông K cùng với bà H cùng có trách nhiệm trả tiền là có cơ sở.

[2.4] Ngày 09/9/2024, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 16.800.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần rút yêu cầu này.

[3] Từ những phân tích trên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn là có căn cứ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 74, điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 504, Điều 505, Điều 506 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Buộc bà Trương Thị H và ông Thạch Văn K có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty A số tiền tổng cộng vốn lãi tạm tính đến hết tháng 9/2024 là 220.900.009 đồng (hai trăm hai mươi triệu chín trăm nghìn không trăm lẻ chín đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với yêu cầu bà Trương Thị H, ông Thạch Văn K trả số tiền gốc 16.800.000 đồng.

3. Bà Trương Thị H và ông Thạch Văn K phải tiếp tục chịu lãi suất 1,1%/tháng kể từ tháng 10/2024 cho đến khi trả hết số tiền trên cho Công ty A.

2. Về án phí:

- Bà Trương Thị H và ông Thạch Văn K phải chịu 11.045.000 đồng (mười một triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty A không phải chịu án phí nên được hoàn lại 5.984.000 đồng (năm triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013812 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm

